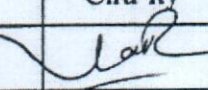
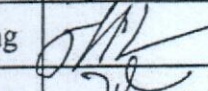
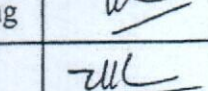
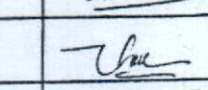
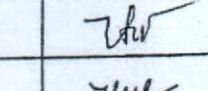
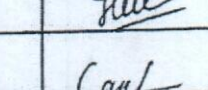
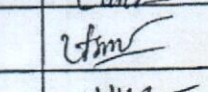
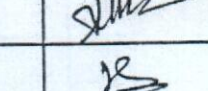
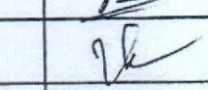
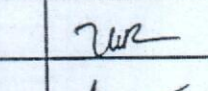
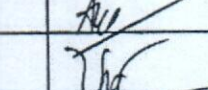
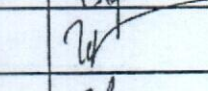
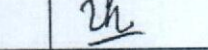
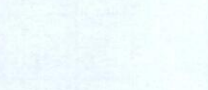
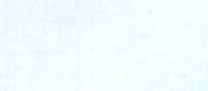
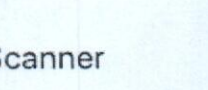
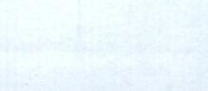
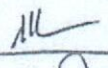
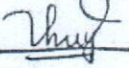
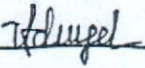
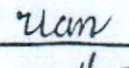
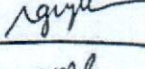
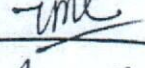
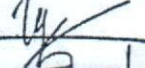
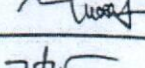
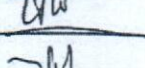
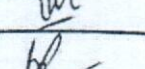
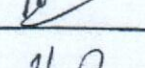
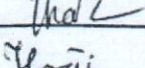
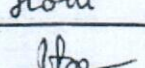
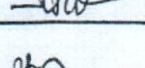
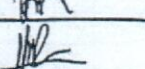
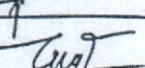
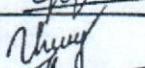
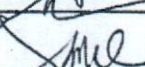
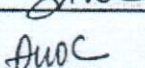
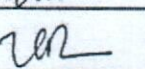



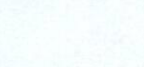


BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Thảo	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Đình Hưng	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Hoàng Thị Mai Liên	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Lệ Huyền	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
5	Nguyễn Hồng Thái	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	Lê Thị Hải Yến	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Hoa Huệ	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
8	Đặng Thị Cảnh	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Lê Thị Hạnh Sâm	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Nhân viên	Ủy viên Hội đồng	
11	Trần Nữ Thủy Hồng	Nhân viên	Ủy viên Hội đồng	
12	Nguyễn Thuý Hồng	Nhân viên	Ủy viên Hội đồng	
13	Hoàng Thị Thi Thơ	Nhân viên	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nhân viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Lê Thị Thương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
16	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
17	Nguyễn Thị Hương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

18	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
19	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
20	Nguyễn Thị Duyên	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
21	Nguyễn Thị Vân	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
22	Nguyễn Thị Nguyệt	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
23	Nguyễn Đình Bình	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
24	Lê Thị Nguyệt	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
25	Lê Thị Lương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
26	Trần Thị Tuyết	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
27	Lê Thị Kim Thu	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
28	Nguyễn Văn Bông	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
29	Trần Thị Thảo	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
30	Lê Thị Thu Hoài	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
31	Bùi Thị Hà	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
32	Nguyễn Thị Tân	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
33	Nguyễn Thị Ngọc	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
34	Vũ Thị Giang	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
35	Trương Thị Thủy	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
36	Hoàng Xuân Tâm	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
37	Nguyễn Thành Được	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
38	Hoàng Thị Vân	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
39	Phan Thị Phượng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
40	Ngô Xuân Chung	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
41	Phan Thị Thanh Từ	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	16
Tiêu chuẩn 1	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1	16
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	18
Tiêu chí 1.4	20
Tiêu chí 1.5	22
Tiêu chí 1.6	23
Tiêu chí 1.7	24
Tiêu chí 1.8	25
Tiêu chí 1.9	26
Tiêu chí 1.10	27
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	29
Tiêu chuẩn 2	29
Mở đầu	29
Tiêu chí 2.1	30

Tiêu chí 2.2	31
Tiêu chí 2.3	33
Tiêu chí 2.4	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	36
Tiêu chuẩn 3	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 3.1	37
Tiêu chí 3.2	38
Tiêu chí 3.3	40
Tiêu chí 3.4	41
Tiêu chí 3.5	43
Tiêu chí 3.6	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	45
Tiêu chuẩn 4	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 4.1	46
Tiêu chí 4.2	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	49
Tiêu chuẩn 5	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 5.1	50
Tiêu chí 5.2	51
Tiêu chí 5.3	53
Tiêu chí 5.4	54
Tiêu chí 5.5	56

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	57
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	57
Tiêu chí 1	57
Tiêu chí 2	57
Tiêu chí 3	57
Tiêu chí 4	58
Tiêu chí 5	58
<i>Kết luận</i>	58
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	58

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	CSVC	cơ sở vật chất
3	ANTT	An ninh trật tự
4	BGH	ban giám hiệu
5	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
6	CBGV-CNV	Cán bộ giáo viên - công nhân viên
7	CNTT	công nghệ thông tin
8	ĐDCMHS	Đại diện cha mẹ học sinh
9	ĐHSP	Đại học sư phạm
10	GDNGLL	Giáo dục ngoài giờ lên lớp
11	GDTH	Giáo dục tiểu học
12	HĐTQ	Hội đồng tự quản
13	HS	Học sinh
14	HT	Hiệu trưởng
15	NV	nhân viên
16	PGD & ĐT Đắk Song	Phòng giáo dục và đào tạo Đắk Song
17	PHT	phó hiệu trưởng
18	QĐ	Quyết định
19	TH	Tiểu học
20	TTND	thanh tra nhân dân
21	UBND	Ủy ban nhân dân
22	XMC	Xóa mù chữ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	✓
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	✓
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng tối thiểu mức II

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ ĐÌNH CHINH

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: UBND HUYỆN ĐẮK SONG

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thảo
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Đắc Song	Điện thoại	0906464905
Xã / phường/thị trấn	Xã Năm N'jang	Fax	
Đạt CQG	Đạt mức 1	Website	http://c1ledinhchinh.pgddaksong.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)		Số điểm trường	1
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 1	6	5	5	5	5
Khối lớp 2	5	5	5	5	5
Khối lớp 3	5	5	5	5	5
Khối lớp 4	5	4	5	5	5
Khối lớp 5	5	5	4	5	5
Cộng	26	24	24	25	25

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú

I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0	
1	Phòng học	28	28	28	28	28	
a	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
b	Phòng bán kiên cố	20	20	20	20	20	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	2	2	0	0	1	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	2	2	0	0	1	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	34	34	34	34	28	

a	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
b	Phòng bán kiên cố	26	26	26	26	20	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính- quản trị	2	2	0	0	2	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	0	0	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	0	0	0	0	0	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng						

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	

Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	2	0	
Giáo viên	33	27	0	0	33	0	
Nhân viên	5	5	0	0	5	0	
Cộng	41	34	0	0	41	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

T T	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023
1	Tổng số giáo viên	36	36	36	34	33
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,38	1,5	1,5	1,36	1,32
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,042	0,05	0,04	0,038	0,036
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	4	6	6	4
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	4	0	0	0
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	852	807	823	886	925	

	- Nữ	420	398	404	432	90	
	- Dân tộc	68	70	73	82	16	
	- Khối lớp 1	205	172	180	201	194	
	- Khối lớp 2	176	181	163	172	195	
	- Khối lớp 3	145	166	182	163	177	
	- Khối lớp 4	163	134	165	186	171	
	- Khối lớp 5	163	154	133	164	188	
2	Tổng số tuyển mới	200	165	175	201	194	
3	Học 2 buổi/ngày	531	807	823	373	566	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	32,8	33,7	34,3	35,44	37,0	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100	100	100	100	100	
	- Nữ	100	100	100	100	100	
	- Dân tộc thiểu số	100	100	100	100	100	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	0	0	0	

9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách						
	- Nữ	0	0	0	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	77	28	54	49	69	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100	100	100	100	100	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	98,1	98,4	98,0	98,6	99,2	

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	100	100	100	100	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0	0	0	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường TH Lê Đình Chinh nằm trên địa bàn xã Năm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Trường được thành lập từ năm 2002 theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2002 của UBND huyện Đăk Song. Với diện tích khuôn viên nhà trường 17.072m² tọa lạc nơi yên tĩnh thoáng mát, cách tỉnh lộ 6 khoảng 250m, ở cách trung tâm huyện Đăk Song hơn 15km.

Ngày 18 tháng 03 năm 2008 được UBND Tỉnh Đăk Nông ra quyết định số: 382/QĐ-UBND cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, công nhận lại lần thứ hai ngày 9 tháng 1 năm 2014, công nhận lần thứ ba ngày 02/11/2018.

Nhà trường có 03 tổ chuyên môn, mỗi tổ có từ 7 đến 10 thành viên là giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn, tổng phụ trách Đội. Các đồng chí tổ trưởng đều là đảng viên, giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên, các tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học; 01 tổ văn phòng gồm 5 đồng chí (01 Kế toán; 01 Văn thư; 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên thư viện; 01 nhân viên Y tế học đường).

03 tổ khối chuyên môn và 01 tổ văn phòng hoạt động đúng quy định. Từng tổ, các thành viên đều xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học cụ thể, chi tiết vào đầu năm học; xây dựng kế hoạch nhiệm vụ theo tuần, tháng, kỳ rõ ràng. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng; tổ văn phòng 01 lần/tháng. Các kế hoạch được triển khai thực hiện và hoàn thành đúng thời gian theo kế hoạch nhà trường; nội dung sinh hoạt chuyên môn đã kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong dạy học, góp phần bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho mỗi thành viên.

*** Điểm mạnh:**

Về hoạt động dạy học: Nhà trường đã thực hiện tốt quy định về kế hoạch giảng dạy và học tập của Bộ giáo dục và đào tạo, Sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, chủ động trong kế hoạch nâng cao chất lượng dạy học, tạo môi trường làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm cho cán bộ, giáo viên; chất lượng quản lý chuyên môn ngày càng chặt chẽ; công tác quản lý, chất lượng kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan dựa trên các văn bản mang tính pháp quy; trong quản lý việc dạy thêm, học thêm trường đã thực hiện đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo, Sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, tổ chức bồi dưỡng được cho cả ba đối tượng học sinh khá-giỏi, trung bình.

Về hoạt động học tập và rèn luyện: Công tác quản lý việc học tập các bộ môn văn hoá được thực hiện chặt chẽ, đúng qui chế, tạo điều kiện nâng cao chất lượng học tập cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn quan tâm tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng sống và phát triển toàn diện. Trong công tác quản lý kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, nhà trường đã chủ động phối hợp với các tổ chức giáo dục khác và đưa ra nhiều biện pháp giáo dục có hiệu quả. Trường có đủ hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của học sinh, từ đó đưa ra nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục, đã có hệ thống theo dõi thường

xuyên các mặt rèn luyện giáo dục học sinh, nên tạo được nền nếp trong trường khá tốt; triển khai kịp thời, đầy đủ các công văn hướng dẫn về chuyên môn.

Về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục: Trong lĩnh vực quản lý nhân lực, trường có đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trẻ, nhiệt huyết, không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có sự đoàn kết thống nhất cao trong nội bộ; nhà trường luôn tạo điều kiện tốt về mọi mặt cho cán bộ giáo viên yên tâm công tác; phân công, bố trí chuyên môn hợp lý, nên phát huy được năng lực của từng cán bộ, giáo viên; xây dựng được kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cho việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhờ vậy chất lượng chuyên môn nhà trường ngày càng được nâng cao rõ rệt, số giáo viên giỏi các cấp ngày càng tăng. Nhà trường bước đầu đã có những đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin, có kế hoạch cụ thể cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và dạy học.

Về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị: Nhà trường đã có diện tích mặt bằng đạt chuẩn, có biện pháp cụ thể trong quản lý cơ sở vật chất nên phòng học luôn đảm bảo đủ duy trì tốt các hoạt động giáo dục. Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác cải tạo cơ sở vật chất hiện có để đảm bảo chất lượng cho các hoạt động giáo dục trong trường. Trường bước đầu đã xây dựng được cảnh quan môi trường sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo an toàn, xanh, đẹp cho cán bộ giáo viên và học sinh làm việc, học tập.

Về công tác quản lý tài chính: Nhà trường đã cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán kịp thời, đầy đủ mọi chế độ cho cán bộ, giáo viên; thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê, quyết toán hàng năm cho cơ quan chủ quản kịp thời; mọi công tác thu chi đều được công khai và duyệt thẩm định quyết toán.

Về tổ chức bộ máy và công tác quản lý điều hành: Lãnh đạo quản lý nhà trường đoàn kết, thống nhất, có năng lực chuyên môn và năng lực quản lý vững vàng; có đủ các tổ chức đoàn thể, phát huy tốt vai trò của mình trong công tác quản lý nên đã đẩy mạnh được phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của giáo viên và học sinh. Nhà trường có sổ quản lý các công văn đi, công văn đến chặt chẽ và tất cả các loại sổ sách theo quy định.

Về công tác xây dựng môi trường giáo dục: Trường đã xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh cho cán bộ, giáo viên và học sinh, xây dựng cảnh quan xanh, sạch, đẹp; luôn chú trọng và có biện pháp đảm bảo an ninh, không có bạo lực, không có tệ nạn xã hội.

Về xây dựng quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội: Trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Thường xuyên liên lạc với gia đình và chính quyền địa phương dưới nhiều hình thức để nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

* Điểm yếu: Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu. Báo cáo tự đánh giá này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao quản lý chất lượng giáo dục của nhà trường. Hội đồng tự đánh giá mong rằng, sau quá trình tự đánh giá, nhà trường có nhiều biện pháp hữu hiệu hơn trong công tác quản lý để cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường hơn nữa.

Trong quá trình hình thành và phát triển, cho đến nay nhà trường đã đạt rất nhiều thành tích. Đội ngũ quản lý có năng lực lãnh đạo tốt, có trình độ chuyên môn vững

vàng, có uy tín trong hội đồng sư phạm. Trường có một tập thể đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy. 100% giáo viên đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu giáo viên giỏi các cấp (trường, huyện, tỉnh) trong nhiều năm liền, luôn có ý thức xây dựng tập thể vững mạnh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Cơ sở vật chất đã tương đối khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học. Hoạt động dạy và học đã từng bước đi vào ổn định và có nề nếp. Quy mô cũng như chất lượng dạy và học ngày một nâng cao hơn.

2. Mục đích TĐG

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Tiểu học Lê Đình Chinh được UBND huyện Đắk Song ban hành quyết định tách từ trường Phổ thông cơ sở Lê Đình Chinh năm 2002. Trường nằm tại trung tâm của xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, trường có 01 điểm chính.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, UBND xã, nền kinh tế của địa bàn từng bước phát triển, an ninh quốc phòng được giữ vững, đời sống nhân dân cũng từng bước được nâng lên. Công tác huy động trẻ đến trường hàng năm đều đạt chỉ tiêu, hạn chế được tình trạng lưu ban, bỏ học. Chất lượng GD được từng bước nâng lên. Tổng số CB, GV, NV của trường có 40 người, trong đó nữ 34 người; tổng số 25 lớp, học sinh 934 em.

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định trong Điều lệ trường Tiểu học. Trường có đầy đủ CB quản lý theo quy định và thành lập đầy đủ các Hội đồng như: Hội đồng trường; Hội đồng Thi đua-Khen thưởng; Hội đồng tư vấn tâm lý, hội đồng thẩm định sáng kiến; có Chi bộ Đảng với tổng số 26 đảng viên; có tổ chức Chi đoàn với 11 đoàn viên; có Liên đội phụ trách các chi đội và Sao nhi đồng; BĐDCMHS của trường được thành lập và hoạt động đúng quy định. Trường thành lập 4 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Cơ cấu tổ chức của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đảm bảo hoạt động hiệu quả. CB-GV-NV nhà trường đều nâng cao tinh thần tự giác, tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ từng năm học, chấp hành đầy đủ, đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phong trào tự học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề được chú trọng. Nhà trường thực hiện và lưu trữ đầy đủ hồ sơ, văn bản đúng quy định. Thường xuyên phát động và tổ chức nhiều phong trào thi đua dạy tốt-học tốt trong GV và HS. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, nhà trường luôn tạo mọi điều kiện đảm bảo an toàn cho CB-GV-NV và HS của trường. Nhìn chung, nhà trường đã thực hiện khá đầy đủ các quy định về công tác tổ chức và quản lý trường học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường, hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng và triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục (điều 29 Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2019); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được cấp có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.1-01].

Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường [H1-1.1-01].

Mức 2:

Nhà trường đã triển khai thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển bằng các nghị quyết, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác hằng năm [H1-1.1-02].

Hội đồng trường thực hiện nghiêm túc việc giám sát các hoạt động trong trường học [H1-1.1-03], đảm bảo kế hoạch sát thực với việc định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương [H1-1.1-04].

Hàng năm nhà trường đều được cấp trên đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.1-05].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của của địa phương.

3. Điểm yếu

Hàng năm, nhà trường đã tổ chức rà soát nhưng chưa bổ sung, điều chỉnh kịp thời phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường rà soát, bổ sung và điều chỉnh phương hướng chiến lược phát triển nhà trường trong đó có sự tham gia các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Hội đồng trường được UBND huyện ra Quyết định thành lập, gồm 09 thành viên, do Phó hiệu trưởng làm Chủ tịch, Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường [H1-1.2-01].

Nhà trường đã lập ra hội đồng thi đua khen thưởng để kịp thời khen thưởng đột xuất cũng như khen thưởng cuối năm của nhà trường [H1-1.2-02].

Nhà trường thành lập tổ tư vấn tâm lý cho học sinh để kịp thời giải quyết những vướng mắc học sinh gặp phải [H1-1.2-03].

Hội đồng trường có kế hoạch hoạt động cụ thể và sinh hoạt định kỳ thể hiện qua nghị quyết hội đồng trường [H1-1.2-04].

Hàng năm nhà trường thực hiện nghiêm túc việc khen thưởng kỷ luật đối với giáo viên, CNV và học sinh [H1-1.2-05].

Cuối năm học, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc tổng kết và báo cáo tổng kết về PGDĐT [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn tâm lý và các Hội đồng khác,... được thành lập theo quy định; thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định; các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá; hoạt động hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Do chưa được tập huấn cấp trên nên kinh nghiệm trong tổ chức phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục của tổ tư vấn tâm lý chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu cấp trên mở lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho Hội đồng tư vấn tâm lý, đồng thời chủ động tổ chức cho các thành viên nghiên cứu kỹ Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT, ngày 18/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông và các văn bản liên quan

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Đến thời điểm đánh giá nhà trường có các tổ chức: Chi bộ, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh. Công đoàn nhà trường có cơ cấu tổ chức quy định tại điều lệ Công đoàn Việt Nam. Tổng số công đoàn viên là 40 người. Ban chấp hành Công đoàn có Quyết định chuẩn y của Liên đoàn lao động huyện gồm 03 người trong đó có 01 Chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 01 ủy viên. Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh gồm có 12 đoàn viên là giáo viên, nhân viên. Cơ cấu Ban Chấp hành 03 đồng chí. Liên đội TNTP Hồ Chí Minh gồm **223** đội viên chia làm 14 chi đội và **369** sao nhi đồng/11 lớp Nhi đồng hoạt động theo chỉ huy của Ban Chỉ huy Liên Đội gồm **15** đội viên [H1-1.3-01]. [H1-1.3-02]. [H1-1.3-03]. [H1-1.3-04].

Tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh; Sao Nhi đồng đã hoạt động đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục trong từng năm học [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08].

Hằng năm Chi bộ và các tổ chức đều thực hiện tổng kết, báo cáo đánh giá những kết quả đạt được, nhìn nhận những tồn tại và hạn chế, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra phương hướng hoạt động tốt hơn cho nhiệm kỳ tiếp theo [H1-1.3-05]. [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08], [H1-1.3-09]. [H1-1.3-10], [H1-1.3-11], [H1-1.3-12].

Mức 2:

Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam được Đảng ủy xã ra quyết định thành lập Chi bộ và Quyết định công nhận chi ủy theo từng nhiệm kỳ, hiện nay chi bộ có 26 đảng viên, chi bộ lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật. Chi bộ liên tục đạt trong sạch vững mạnh [H1-1.3-01],

Tổ chức Công đoàn cơ sở trường hiện có 41 đoàn viên, tổ chức hoạt động đúng điều lệ Công đoàn Việt Nam, phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục, Công đoàn luôn đạt vững mạnh [H1-1.3-02].

Chi Đoàn trường do Ban chấp hành Đoàn xã ra quyết định chuẩn y Ban chấp hành, hoạt động theo điều lệ Đoàn thanh niên, phối hợp với nhà trường giáo dục đạo đức thanh, thiếu niên và nhi đồng, chi đoàn liên tục đạt vững mạnh [H1-1.3-03].

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh được tổ chức hoạt động theo kế hoạch của Hội đồng đội huyện. Hằng năm, dưới sự phụ trách của Tổng phụ trách, Ban chỉ huy Liên Đội tổ chức tốt các hoạt động Đội - Sao. Liên Đội nhà trường tham gia đầy đủ các hoạt động, các Hội thi của huyện, liên tục đạt Liên đội xuất sắc [H1-1.3-04].

Chi bộ nhà trường dưới sự chỉ đạo của bí thư chi bộ đã hoạt động đúng Điều lệ Đảng [H1-1.3-05].

Công đoàn nhà trường dưới sự chỉ đạo của chủ tịch công đoàn đã phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục, Công đoàn luôn đạt vững mạnh [H1-1.3-06].

Chi đoàn dưới sự chỉ đạo của Bí thư do Ban chấp hành Đoàn xã ra quyết định chuẩn y, hoạt động theo điều lệ Đoàn thanh niên, phối hợp với nhà trường giáo dục đạo đức thanh, thiếu niên và nhi đồng [H1-1.3-07].

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng được tổ chức hoạt động theo kế hoạch của Hội đồng đội huyện, dưới sự hướng dẫn của TPT Đội [H1-1.3-08].

Chi bộ liên tục đạt trong sạch vững mạnh [H1-1.3-09].

Công đoàn luôn đạt xuất sắc [H1-1.3-10].

Chi đoàn liên tục đạt xuất sắc [H1-1.3-11].

Liên đội tổ chức giúp đỡ nhiều địa chỉ nhân đạo, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện học tập tốt. Hằng năm Liên đội đều đạt xuất sắc [H1-1.3-12].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Trường đã có cơ cấu tổ chức bộ máy đúng theo qui định của điều lệ trường Tiểu học. Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đoàn kết thống nhất quan điểm, tổ chức quản lý mọi hoạt động trong trường đạt kết quả tốt. Chi bộ lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ, đã chú trọng việc cơ cấu nhân sự cho các tổ chức dựa trên cơ sở năng lực, phẩm chất đạo đức và lòng nhiệt tình của từng thành viên. Chi bộ nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh. Các tổ chức trong trường hoạt động theo đúng quy định, chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động, hỗ trợ chuyên môn nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Năng lực tiếng Anh trong giao tiếp của lãnh đạo nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện và duy trì tốt bộ máy tổ chức, bố trí cán bộ dựa trên cơ sở dự nguồn, phân công nhiệm vụ phù hợp năng lực, trình độ và điều kiện hoàn cảnh để mọi CB, GV, NV đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, bồi dưỡng giúp đỡ đội ngũ kế cận dự nguồn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Trường có 1 Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện bổ nhiệm [H1-1.4-01]. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt loại tốt; đạt trình độ Đại học sư phạm, đã qua đào tạo quản lý giáo dục, trung cấp lý luận chính trị.

Các phó hiệu trưởng nhà trường đảm bảo đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, được UBND huyện bổ nhiệm, có trình độ ĐHSP, trung cấp lý luận chính trị, có năng lực chuyên môn điều hành các hoạt động do Hiệu trưởng phân công.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo điều lệ trường tiểu học, lãnh đạo xây dựng tập thể trường đoàn kết, nhất trí, xây dựng nhà trường phát triển.

Hằng năm hiệu trưởng ra quyết định thành lập tổ chuyên môn và tổ văn phòng, bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó. Tổ văn phòng và tổ chuyên môn sinh hoạt 2 lần/tháng, dưới sự điều hành của tổ trưởng và tổ phó góp phần hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn trong nhà trường [H1-1.2-03].

Tổ chuyên môn nhà trường hoạt động theo đúng điều lệ trường tiểu học và quy chế chuyên môn nhà trường đề ra, sinh hoạt định kỳ theo tuần, tháng năm, lên kế hoạch hoạt động bám sát kế hoạch nhà trường [H1-1.4-03].

Tổ văn phòng nhà trường hoạt động theo đúng điều lệ trường tiểu học và quy định nhà trường đề ra sinh, hoạt định kỳ theo tuần, tháng năm, lên kế hoạch hoạt động bám sát kế hoạch nhà trường [H1-1.4-04].

Tổ chuyên môn thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề trong khối, giữa các khối, giữa các cụm trường để trau dồi học hỏi kinh nghiệm [H5-5.2-08].

Hằng năm nhà trường nghiêm túc thực hiện các chế độ báo cáo [H1-1.2-06].

Hằng năm nhà trường được UBND huyện bổ sung biên chế [H1-1.4-07]. BGH nhà trường vào đầu năm học đã ra quyết định bổ nhiệm TKT, CM, VP [H1-1.4-08].

BGH nhà trường luôn chú trọng việc bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn bản thân đáp ứng nhu cầu quản lý và nâng cao chất lượng [H1-1.4-09].

Trường đã có cơ cấu tổ chức bộ máy đúng theo qui định của điều lệ trường Tiểu học. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đoàn kết thống nhất quan điểm, tổ chức quản lý mọi hoạt động trong trường đạt kết quả tốt.

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng cán bộ quản lý đảm bảo theo quy định. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập đúng quy định và thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng. Tổ chuyên môn đã tổ chức nhiều nội dung sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Tổ văn phòng có một số người phải kiêm nhiệm thêm một số nhiệm vụ khác, do đó còn gặp nhiều khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì tốt các hoạt động chuyên môn của tổ. Các tổ xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng thành viên: bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ; không ngừng tìm các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động của tổ. Cán bộ quản lý thường xuyên sinh hoạt với tổ văn phòng để theo dõi, đánh giá các hoạt động của tổ và có giải pháp giúp đỡ kịp thời tháo gỡ khó khăn cho tổ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Học sinh của nhà trường được tổ chức theo lớp học [H1-1.5-01], mỗi lớp có lớp trưởng và các lớp phó do tập thể lớp bầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Lớp học được chia thành các tổ, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong tổ bầu

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. HS được tham gia tự đánh giá, đánh giá bạn, được tự ứng cử các chức danh của hội đồng tự quản hoặc đề cử và bình bầu cho bạn [H5-5.2-04].

Mức 2:

Trường có sổ ghi chép đầy đủ thông tin học sinh đối với tuyển sinh đầu lớp 1 và học sinh chuyển đi, chuyển đến [H5-5.4-03].

Việc theo dõi sĩ số học sinh luôn được BGH nhà trường đặt lên hàng đầu nó được thể hiện cả trên sổ sách và cập nhập thường xuyên trên phần mềm CSDL [H5-5.2-04].

Lớp học nhà trường được bố trí phù hợp với hoạt động giáo dục, lớp học thoáng mát, đầy đủ ánh sáng, không gian bố trí khoa học.

Mỗi lớp học được phân bổ số học sinh bình quân 37,44 học sinh/lớp (theo Khoản 1, 2 Điều 17 của Điều lệ trường Tiểu học), trong đó, số HS đông nhất trong 1 lớp là 42 em; số HS ít nhất trong 1 lớp là 33 em [H1-1.5-01]; [H5-5.2-04]; Quyết định biên chế lớp học [H2-2.2-08].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh phù hợp với đặc điểm tình hình của nhà trường và của địa phương theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

3. Điểm yếu

Nội dung tổ chức các hoạt động GDNGLL có lúc chưa phong phú, chưa thu hút tất cả HS toàn trường tham gia vì thế một số HS tham gia vào HĐNGLL thiếu tích cực, tự giác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch HĐNGLL với nhiều nội dung đa dạng, phong phú có khả năng thu hút tất cả HS tham gia một cách tự giác nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chuyển nội dung HĐNGLL thành các cuộc thi và chương trình lớn như: Thi văn nghệ chào mừng theo chủ điểm, tìm hiểu về Anh bộ đội Cụ Hồ với chủ đề Uống nước nhớ nguồn, tổ chức các trò chơi dân gian,

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Hệ thống hồ sơ quản lý của nhà trường được lưu trữ theo quy định [H1-1.6-01].

Hàng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế

và các quy định hiện hành [H1-1.6-02], [H1-1.6-03], [H1-1.6-04], [H1-1.6-05], [H1-1.6-06], [H4-4.2-02],

Nhà trường luôn quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-02], [H1-1.6-03], [H1-1.6-04], [H1-1.6-05], [H1-1.6-06], [H4-4.2-02]

Mức 2:

Nhà trường đã đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý hành chính, tài chính, tài sản có hiệu quả. Đó là việc sử dụng các phần mềm như: phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp <https://mimosa.misa.vn/>; phần mềm quản lý tài sản <https://qltsapp.misa.vn/>; phần mềm quản lý nhân sự <http://daknong.quanlynhansu.net.vn/>; phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội <https://vbhxx.viettel.vn/>; phần mềm cơ sở dữ liệu ngành <https://csdl.moet.gov.vn>, phần mềm kiểm định chất lượng, phần mềm quản lý nhu cầu tiền lương: <https://qltctl.lihanet.com>. Việc sử dụng các phần mềm quản lý giúp tiết kiệm thời gian, đồng thời quản lý hiệu quả, chính xác các thông tin về tài chính phục vụ chế độ tổng hợp báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác [H1-1.6-05].

Nhà trường kết hợp với hội CMHS đã tiến hành huy động các khoản đóng góp hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học [H4-4.2-02].

Nhà trường đã đề ra chiến lược phát triển của nhà trường theo từng giai đoạn và đã được PGD&ĐT phê duyệt [H1-1.1-01],

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Công tác tài chính của đơn vị được quản lý chặt chẽ theo đúng các văn bản do Bộ Tài chính và Chính phủ ban hành.

Các nguồn kinh phí được sử dụng hiệu quả. Xây dựng được Quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý với nguồn vốn được phân bổ hàng năm đảm bảo thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số phần mềm mới được đưa vào sử dụng nên khả năng thao tác, kỹ năng xử lý trên phần mềm của đội ngũ còn gặp một số khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phân công cán bộ, giáo viên có năng lực công nghệ thông tin tiếp tục tổ chức, hướng dẫn, tập huấn cách sử dụng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường, đảm bảo tất cả các thành viên được phân quyền sử dụng thành thạo các phần mềm nhà trường hiện có.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Hằng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV và được đánh giá vào cuối năm học [H1-1.7-01], [H1-1.7-02].

Nhà trường phân công, sử dụng CBQL, GV và NV rõ ràng, hợp lý. Việc phân công, sử dụng CBQL, GV và NV đảm bảo phù hợp theo vị trí việc làm, đảm bảo hiệu quả phát huy tốt năng lực, sở trường công tác của mỗi cá nhân [H1-1.7-03]. Được lưu trữ đầy đủ trong hồ sơ quản lý [H1-1.7-04].

CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học (theo thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 thông tư Ban hành Điều lệ trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo) được tham gia tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các hội thi giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, được đóng góp ý kiến trong sinh hoạt hội họp [H1-1.7-05].

[H1-1.7-06]. [H1-1.7-07]. [H1-1.7-08]; được đảm bảo đầy đủ chế độ chính sách [H1-1.7-09], được đánh giá xếp loại hàng năm [H1-1.7-11].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường: Phân công công việc đúng sở trường, đảm bảo phù hợp với năng lực, trình độ; động viên, khen ngợi kịp thời [H1-1.7-02], [H1-1.7-03], [H1-1.7-04], [H1-1.7-05], [H1-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác quản lý cán bộ, giáo viên nhân viên. Thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo các hoạt động của nhà trường. Thực hiện tốt các quyền lợi chính đáng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

3. Điểm yếu

Chưa khai thác hết tối đa tiềm năng trong cán bộ, giáo viên, nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Căn cứ kế hoạch đề ra, nhà trường đã có những biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả như làm tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra nội bộ trường học, kiểm tra chuyên đề cơ bản đã đạt được theo quy định chung. Hằng tuần, tháng, định kì kiểm tra, đánh giá chất lượng của học sinh và giáo viên. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các ban ngành đoàn thể của trường, qua đó đánh giá, xếp loại và có biện pháp khắc phục. Kiểm tra đánh giá đã phát hiện kịp thời những thiếu sót trong các hoạt động giáo dục của nhà trường, từ đó có các biện pháp bổ sung, điều chỉnh hoạt động giáo dục trong thời gian tiếp theo. [H1-1.8-01], [H1-1.4-03], [H5-5.2-03], [H1-1.4-06], [H1-1.8-05], [H1-1.6-06], [H2-2.2-03], [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường; Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ; được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời; Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Do khối lượng công việc nhiều một số nội dung trong kế hoạch kiểm tra nội bộ đôi lúc thực hiện chưa đúng tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục xây dựng nội dung kế hoạch hoạt động sát với thực tế từng năm học. Tăng cường công tác rà soát các biện pháp, dự kiến thời gian đảm bảo kiểm tra nội bộ đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông

qua các cuộc họp, đại hội, hội nghị; việc tham gia được quy định cụ thể trong Quy chế dân chủ của nhà trường [H1-1.9-01].

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CB, GV, NV, cha mẹ HS (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật Hằng năm nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thông qua trong Hội nghị cán bộ, viên chức đầu năm của nhà trường [H1-1.9-01], [H1-1.7-07], [H1-1.9-03], [H1-1.9-04]; [H1-1.3-06].

Mức 2:

Nhà trường phối hợp với Hội đồng trường, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể đưa ra các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.7-07], [H1-1.9-03], [H1-1.9-04], [H1-1.9-05].

2. Điểm mạnh

100% CB-GV-NV trong nhà trường đều có ý thức tốt trong việc tham gia hội họp và đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường; Tất cả các hoạt động, các sự vụ, sự việc trong nhà trường đều được công khai, minh bạch, được xử lý, giải quyết, cùng đi đến thống nhất và thực hiện đạt hiệu quả cao; CB-GV-NV luôn được phát huy quyền dân chủ, luôn có ý thức trách nhiệm trong việc phê bình và tự phê bình, giúp tập thể nhà trường giữ được sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ, nêu cao được tinh thần dân chủ, công bằng, giúp đỡ nhau trong hoàn cảnh khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp của thầy, cô giáo được giữ gìn trong sáng, uy tín của nhà trường được nâng lên rõ rệt.

3. Điểm yếu

Ban thanh tra nhân dân thực hiện việc giám sát còn hạn chế, do thời gian hạn hẹp và kỹ năng nghiệp vụ chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công đoàn tham mưu với cấp trên có lớp tập huấn nghiệp vụ cho Ban thanh tra nhân dân để thực hiện được việc giám sát quy chế dân chủ một cách hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm

họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và Phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01], [H1-1.10-02].

Giáo viên không có hành vi bạo lực với học sinh. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-02], [H1-1.1-02]; [H1-1.4-07];

Thông qua hoạt động giáo dục tập thể và HĐ trải nghiệm, nhà trường, GVCN đã phổ biến kiến thức về bình đẳng giới cho học sinh. HS được GD và có ý thức tốt trong quan hệ bạn bè, đối xử với nhau thân thiện, quan hệ thầy trò đúng mực. HS được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. HS được nhận các chế độ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; học sinh được các nhà hảo tâm, thầy cô giáo trong trường quan tâm giúp đỡ về tinh thần, vật chất như: sách vở, đồ dùng học tập, quần áo, cặp sách, ... Trường không có các tệ nạn xã hội; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới cũng như bạo lực học đường. [H1-1.10-01].

Mức 2:

Thường xuyên phổ biến, hướng dẫn, cho CBQL, GV, NV và HS thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn đuối nước, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các hoạt động như: tổ chức cho học sinh kí cam kết về việc chấp hành luật an toàn giao thông, không đốt pháo nổ và thông qua các hoạt động ngoại khóa, các tiết chào cờ, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp... nhằm nâng cao ý thức cho học sinh thực hiện tốt an ninh trật tự, an toàn trong nhà trường. Trong các năm học vừa qua, không xảy ra việc mất an toàn, ảnh hưởng đến GV- NV và HS, được công nhận trường học an toàn. [H5-5.3-01].

Trong những năm qua trường có một vài học sinh khuyết tật học hòa nhập tại trường nhưng không có hiện tượng kì thị nhau, không có hiện tượng vi phạm về giới, bạo lực học đường hay các tệ nạn xã hội khác. [H1-1.10-01],[H1-1.10-02], [H1-1.1-02]; [H1-1.4-07]. [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

BGH nhà trường đã kịp thời xây dựng các phương án, lên kế hoạch cụ thể trong việc bảo đảm ANTT phòng chống tai nạn thương tích. Hàng năm nhà trường thực hiện cam kết với Ban công an xã về phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ...

Đảm bảo an toàn an ninh trật tự, không để xảy ra bạo lực học đường, kì thị, vi phạm về giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Các hình thức tuyên truyền còn chưa đa dạng, phong phú, chưa thu hút được đông đảo phụ huynh tham gia tuyên truyền.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng, cải tiến, đổi mới các hình thức, thu hút phụ huynh tham gia tuyên truyền. Bên cạnh đó, tổng phụ trách Đội và GV chủ nhiệm tăng cường công tác quản lý HS trong thời gian trước khi vào học và trong giờ ra chơi, giáo dục HS không được chơi các trò chơi nguy hiểm đồng thời tổ chức cho HS chơi các trò chơi dân gian phong phú hơn.

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch, phương án theo yêu cầu, tổ chức tốt công tác tiếp dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của nhân dân, phụ huynh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức, lớp học và HS theo quy định, có thành lập các tổ và hoạt động theo Điều lệ trường tiểu học. Trong hoạt động luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cũng như quy định của ngành; trong quản lý, điều hành, chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học; có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học và thực hiện việc lưu trữ, báo cáo đảm bảo đúng thời gian; tổ chức thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua; thực hiện tốt việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý CB GV, NV và HS cũng như quản lý tài sản, tài chính, CSVC; Đảm bảo an ninh trật tự và thực hiện an toàn cho GV và HS, không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực học đường.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 6/10 (0/4) tiêu chí chiếm 60 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

CBQL trong nhà trường có năng lực quản lý, vững về chuyên môn và luôn năng động trong công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. HT và PHT đều có quá trình trực tiếp giảng dạy từ 5 năm trở lên. Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá theo Quy định Chuẩn HT, PHT trường tiểu học đạt mức khá trở lên; tạo sự đoàn kết, thống nhất cao; có phân công, phân nhiệm rõ ràng trong đội ngũ lãnh đạo để cùng phối hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên có trách nhiệm cao trong công tác, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn, trình độ sư phạm đạt trên chuẩn. Tập thể hội đồng sư phạm đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, tích cực sáng tạo trong các hoạt động giáo dục, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. 100% giáo viên đều đạt chuẩn đào tạo, có tay nghề vững vàng, tích cực học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Học sinh của nhà trường đều được bảo vệ, chăm sóc và đối xử bình đẳng, được hưởng đầy đủ mọi chế độ chính sách và các chế độ khác theo qui định; Đa số HS chăm ngoan, lễ phép và tích cực tham gia tốt các phong trào do ngành và trường tổ chức.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Nhà trường có 1 hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng bảo đảm được các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực quản lý và kinh nghiệm để triển khai tốt các hoạt động giáo dục, được các thành viên trong nhà trường tín nhiệm cao. Kết quả đánh giá xếp loại HT, PHT theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, Nghị định 90/2020/NĐ-CP, GVNV đánh giá HT, PHT có phẩm chất chính trị tốt, đạo đức, lối sống lành mạnh, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học.

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường đều có trình độ đại học sư phạm, trung cấp lý luận chính trị-hành chính và đã được bồi dưỡng công tác quản lý, có nhiều năm làm công tác quản lý, có đủ sức khỏe, nhiệt tình, năng động, sáng tạo và được tập thể nhà trường tín nhiệm. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Ban Giám hiệu trường được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao

[H1-1.7-04], [[H1-1.7-08], [H1-1.7-06], [H2-2.1-04], [H2-2.1-05],

Mức 3:

2. Điểm mạnh:

BGH nhà trường có trình độ nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, điều hành, triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục trên địa bàn, có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng; được tập thể nhà trường, lãnh đạo các cấp và chính quyền địa phương tin tưởng tín nhiệm.

Trong quá trình lãnh đạo nhà trường, BGH trường luôn triển khai đầy đủ về chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, lựa chọn SGK phù hợp.

Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, chỉ đạo các bộ phận trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ: GVCN quan tâm, giúp đỡ học sinh để hoàn thành chương trình lớp học; TPT Đội giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh luôn chăm ngoan, lễ phép; BGH còn đặc biệt quan tâm đến đời sống của GV, NV nhà trường, hàng tháng luôn thực hiện tốt việc chi trả lương đầy đủ cho GV, NV theo quy định.

BGH tạo được sự đoàn kết trong đơn vị, được tập thể GV, NV tin nhiệm cao, tạo được lòng tin với phụ huynh học sinh khi gửi con em học tại trường. Có mối quan hệ tốt với nhân dân, chính quyền địa phương, các mạnh thường quân để vận động nguồn xã hội hoá cho nhà trường.

3. Điểm yếu:

Trong công tác chỉ đạo đôi lúc chưa sâu sát từng thành viên trong tập thể nhà trường. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông đôi lúc còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tiếp tục tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, tự trau dồi, nghiên cứu, cải tiến chất lượng, thay đổi phương pháp phù hợp. Chỉ đạo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các thành viên để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tăng cường, nghiên cứu, cập nhật các văn bản chỉ đạo việc đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông để nâng cao năng lực quản lý và triển khai thực hiện các văn bản.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70%

đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Nhà trường có 33 giáo viên, đảm bảo dạy các môn học bắt buộc của Tiểu học theo quy định.

Trình độ chuyên môn của giáo viên đạt chuẩn đào tạo 100% (ĐH: 33/33GV). Trong đó có 31/33 giáo viên đạt loại tốt theo Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, tỉ lệ 94%. Có 30/41 cán bộ giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến - chiến sĩ thi đua, đạt tỷ lệ 70%.

Đội ngũ giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo quy định hàng năm, có hồ sơ lưu trữ. Hằng năm, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên. Tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, có 25 giáo viên đạt danh hiệu ‘Lao động tiên tiến’, 05 giáo viên đạt danh hiệu ‘Chiến sĩ thi đua’ cơ sở. Không có giáo viên vi phạm kỉ luật.

100% giáo viên, kể cả giáo viên chuyên ngành: Thể dục, tin học, ngoại ngữ (tiếng Anh), mỹ thuật, âm nhạc được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo và có văn bằng chuyên môn đại học, 100% giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ đào tạo, có 01 giáo viên đang theo học cao học.

Hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H-1.7-04], văn bằng, chứng chỉ của HT, PHT, GV, NV [H1-1.7-08], Quyết định xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp, Quyết định xếp loại viên chức [H1-1.7-11], Sổ khen thưởng, kỷ luật /Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật [H2-2.2-05], Báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường [H2-2.2-06]

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên nhà trường đủ về số lượng và cơ cấu đảm bảo dạy tốt các môn bắt buộc, các môn chuyên ngành được phân công dạy đúng chuyên môn đào tạo.

Giáo viên có ý thức học tập để nâng cao trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; Vì vậy đến nay 100% giáo viên của trường có trình độ Đại học. Chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Giáo viên có ý thức học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ đồng nghiệp. Tích cực tham gia tốt các hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Giáo viên luôn chủ động, tích cực áp dụng, đổi mới phương pháp dạy học phù hợp, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy. Phong trào của nhà trường đạt nhiều kết quả cao, trong những năm gần đây có nhiều giáo viên đạt chiến sĩ thi đua cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen.

Các tổ chuyên môn của trường thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn để trau dồi kinh nghiệm giảng dạy, tổ chuyên môn tổ chức nhiều chuyên đề nhằm đổi mới phương pháp dạy học.

Sự phấn đấu, chủ động học tập của tập thể giáo viên đã góp phần cho nhà trường thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

3. Điểm yếu

Năng lực chuyên môn của một số GV vẫn còn một số mặt hạn chế nên việc tiếp cận đổi mới phương pháp giảng dạy chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Việc thực hiện Chương trình GDPT 2018 còn gặp nhiều khó khăn do thiếu biên chế giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

BGH tạo điều kiện cho giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để tiếp cận với phương pháp mới nhằm đáp ứng việc giảng dạy tốt hơn.

Tiếp tục phát huy điểm mạnh trong những năm học tiếp theo. Phấn đấu nâng cao chất lượng giảng dạy, xứng tầm trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

Thường xuyên dự giờ thăm lớp, ưu tiên cho những hoạt động nâng cao chất lượng đội ngũ: sắp xếp thời gian hợp lý cho hoạt động chuyên môn, cải tiến nội dung hình thức hoạt động chuyên môn để đạt hiệu quả cao nhất, động viên GV tự học tập nâng cao năng lực sử dụng CNTT.

Tham mưu cấp trên bổ sung biên chế giáo viên đảm bảo đủ tỷ lệ 1,5 GV/lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Nhà trường có 2 nhân viên: 01 nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị (có chứng chỉ thư viện) kiêm văn thư đã được tập huấn công tác văn thư lưu trữ, 01 nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bảo vệ. Các nhân viên đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm

Nhà trường được biên chế đủ số lượng nhân viên làm công tác văn thư, kế toán, thư viện - thiết bị theo quy định. Các nhân viên được hiệu trưởng bố trí công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực của từng cá nhân

Nhân viên của nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách theo Quy định: chế độ nghỉ việc riêng, nghỉ hưởng Bảo hiểm xã hội, kiêm nhiệm, chế độ lao động. Hằng năm nhân viên nhà trường được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Không có đồng chí nào vi phạm kỷ luật.

Quyết định phân công nhiệm vụ hằng năm [H1-1.7-04], văn bằng chứng chỉ của HT, PHT, GV, NV [H1-1.7-09], hồ sơ quản lý CB.GV.NV [H1-1.7-05], quyết định xếp loại viên chức hằng năm [H1-1.7-11], công văn cử CB, GV, NV đi tập huấn [H1-1.7-07], báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường [H1-1.2-06], báo cáo công tác văn thư lưu trữ [H2-2.3-07], danh sách CB, GV, NV [H2-2.3-08], bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại cuối năm theo NĐ 90 [H1-1.7-11].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

- Nhà trường được biên chế đủ số lượng nhân viên làm công tác Văn thư, Kế toán, Thư viện, Thiết bị, Y tế, Bảo vệ theo quy định.

- Nhà trường có phân công nhân viên đúng theo quy định, đúng chuyên môn, có trách nhiệm trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Nhân viên của nhà trường luôn được quan tâm và đảm bảo các chế độ chính sách theo quy định. Tất cả nhân viên nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ nhân viên được đào tạo đúng chuyên môn, trình độ đạt theo yêu cầu, có ý thức tự học tự bồi dưỡng tốt. Hằng năm nhân viên đã được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên ngành: công tác tài chính, công tác thư viện-thiết bị, y tế trường học, công tác văn thư lưu trữ....

3. Điểm yếu

Nhân viên bảo vệ đã được hướng dẫn để thực hiện các nhiệm vụ tại nhà trường nhưng chưa được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do cơ quan chức năng tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhân viên trường tiếp tục phát huy năng lực chuyên môn, sở trường công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong những năm tiếp theo.

- Hiệu trưởng tham mưu với Phòng GD&ĐT, tạo điều kiện để nhân viên đi học các lớp bồi dưỡng về chuyên môn theo công việc được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có sổ theo dõi đăng bộ theo dõi học sinh qua các năm, việc ghi chép sổ đăng bộ thực hiện nghiêm túc đúng quy định, lưu trữ tại nhà trường.

Mức 2:

Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của học sinh: Thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở, đồ dùng học tập. Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. Biết rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương. Thực hiện tốt quy định về các hành vi học sinh không được làm: như vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể người khác, gian dối trong học tập, kiểm tra, gây rối an ninh, trật tự trong nhà trường và nơi công cộng.

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ trường tiểu học, được học tập theo nguyện vọng; được xác nhận đủ điều kiện hoàn thành chương trình tiểu học theo quy định; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử công bằng, bình đẳng; được đảm bảo về thời gian học tập, rèn luyện ở nhà trường, đảm bảo về cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn trong học tập và rèn luyện.

Hàng năm, nhà trường thực hiện điều tra cơ bản số học sinh, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học một cách khoa học, sát với tình hình thực tế của địa phương. Tuổi học sinh từ 6 đến 11 tuổi, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được học hòa nhập. Xã Năm N' Jang là một trong những đơn vị duy trì công tác phổ cập Giáo dục tiểu học vững chắc, ổn định. Nhà trường nhiều năm liền đạt Phổ cập GDTH ĐĐT. Năm 2022 được Ủy ban nhân dân huyện công nhận Phổ cập GDTH mức độ II; Trường đã huy động 100% học sinh trong độ tuổi đến trường. Tất cả học sinh các khối lớp đều đảm bảo quy định về độ tuổi. Học sinh luôn được theo dõi cập nhật ghi kết quả vào học bạ, sổ đăng bộ.

Hàng năm có từ 99,5% học sinh đều thực hiện đạt về năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học theo quy định ở Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ban hành về đánh giá xếp loại học sinh tiểu học, không có học sinh vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm theo quy định tại Điều 43 Điều lệ trường tiểu học

Nhà trường đã giáo dục học sinh hiểu và nắm rõ các quyền của học sinh tiểu học được quy định tại Điều 42 chương V của Điều lệ trường tiểu học. Các em đều thực hành tốt các nhiệm vụ theo quy định; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh an toàn để học tập và rèn luyện. Tất cả học sinh đều có quyền được học tập, vui chơi, tham quan, giải trí, được chăm sóc sức khỏe và tham gia các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi của các em, được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện, học sinh được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được chăm sóc và giáo dục hòa nhập (đối với học sinh khuyết tật); học sinh nghèo vượt khó được nhà trường xét nhận học bổng do các tổ chức và cá nhân tài trợ.

- Nhà trường làm tốt công tác giáo dục học sinh thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, các giờ đạo đức chính khóa, giờ sinh hoạt tập thể, ngoài giờ lên lớp để các em có những kỹ năng sống đúng đắn. Những học sinh có biểu hiện hành vi sai trái đều được nhà trường phát hiện kịp thời uốn nắn, sửa chữa cho các em và các em đã có những

chuyên biên tích cực. Cuối năm học sinh có thành tích trong học tập, tham gia tốt các phong trào trong lớp, trường và các cấp tổ chức đạt kết quả cao và được khen thưởng.

Sổ đăng bộ [H1-1.5-01], Sổ chủ nhiệm các lớp (có DS cán sự lớp, có biên bản bầu chọn...) [H1-1.5-02], báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường [H1-1.2-06], học bạ học sinh [H2-2.4-04], kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh [H2-2.4-05], danh sách khám sức khỏe định kỳ/ sổ theo dõi khám sức khỏe, danh sách học sinh được hưởng các chế độ khác [H2-2.4-06]; sổ khen thưởng, kỷ luật/Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật [H2-2.4-07], quyết định biên chế lớp học [H2-2.4-08],

Mức 3:

2. Điểm mạnh

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đạt cao. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 năm học 2022– 2023 đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ trẻ 11 tuổi HTCTTH đạt 100%; không có học sinh bỏ học. Kết quả nhà trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ II. Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

- 100% trẻ trên địa bàn đều được vận động ra lớp. Các em thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền của học sinh tiểu học; được chăm sóc, bảo vệ và đối xử bình đẳng, được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất an toàn để học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

- Những học sinh khuyết tật và số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, thiếu sự quan tâm của gia đình nên ít tiến bộ.

- Một số em chưa tự giác trong học tập, còn ham chơi. Một số học sinh còn hiếu động, chưa mạnh dạn tham gia các hoạt động trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên tổng phụ trách Đội để giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn và những em khuyết tật. Giáo viên chủ nhiệm làm tốt công tác chủ nhiệm, động viên, khuyến khích học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ.

- Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên Tổng phụ trách trong, thông qua các buổi sinh hoạt giáo dục các em vui chơi, học tập trong môi trường an toàn, phòng tránh tốt tai nạn thương tích. GVCN đã phối hợp tốt với gia đình HS thực hiện tốt các biện pháp giáo dục học sinh có những biểu hiện chưa ngoan, báo cáo Hiệu trưởng hằng tháng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Lãnh đạo nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ đào tạo trên chuẩn, năng động, sáng tạo, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, được đội ngũ tin nhiệm nhiệm cao.

Đội ngũ giáo viên nhà trường đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, tỷ lệ giáo viên đứng lớp đảm bảo theo quy định. Trình độ đào tạo của giáo viên đạt trên chuẩn. Năng lực chuyên môn của đội ngũ vững vàng và tương đối đồng đều. Các quyền của giáo viên luôn được tôn trọng và đảm bảo.

Nhân viên đảm bảo về số lượng, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật cao, đoàn kết, nhất trí trong công tác.

Học sinh đi học đúng độ tuổi quy định. Nhà trường luôn đổi mới các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp nhằm thu hút và động viên học sinh tham gia hoạt động tích cực, có hiệu quả giáo dục cao. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của người học sinh và nội quy, quy định của nhà trường, được đảm bảo các quyền theo Điều lệ trường Tiểu học.

Việc kiểm tra hồ sơ sổ sách một số thành viên làm công tác kiêm nhiệm đôi lúc chưa kịp thời.

Một vài giáo viên lớn tuổi thao tác chậm, chưa tự thiết kế tiết dạy ứng dụng công nghệ thông tin.

Một số học sinh chưa tự giác trong học tập, còn ham chơi.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 0/4 (0/4) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường có khuôn viên riêng biệt, có công trường, tường rào, sân chơi phù hợp với điều kiện địa phương, có đủ các phòng học và chỗ ngồi cho học sinh. Trường có khu vệ sinh riêng biệt dành cho giáo viên, nhân viên và khu vệ sinh cho học sinh, có nơi để xe cho giáo viên, có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại sổ sách theo quy định đối với thư viện. Thiết bị giáo dục luôn đảm bảo, đồ dùng dạy học được trang bị đầy đủ. Ngoài ra trường còn khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả. Hàng năm trường có biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học và thiết bị.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có công trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Quan sát khuôn viên [H3-3.1-01].

Trường có cổng trường, biển tên trường và tường rào, hàng rào bao quanh, có cổng được xây dựng kiên cố: một cửa chính, một cửa phụ được xây bằng gạch, đảm bảo an toàn [H3-3.1-02].

Nhà trường có khu sân chơi, sân tập thể dục thể thao, bể bơi đảm bảo an toàn để HS được học bơi, vui chơi, luyện tập thể dục, thể thao và tham gia các hoạt động giáo dục [H3-3.1-03], [H3-3.1-04].

Mức 2:

Diện tích sân chơi mặt bằng của trường đảm bảo. Khu sân chơi xung quanh đều có hoa, cây bóng mát cho học sinh hoạt động vui chơi, học môn thể dục; có sân bóng đá, sân thể dục, bể bơi; [H3-3.1-03], [H3-3.1-04]

Nhà trường có diện tích và khuôn viên bảo đảm theo khoản 2-3 điều 45 của Điều lệ trường tiểu học. Tổng diện tích toàn trường là: 17.072m² [H3-3.1-05], bình quân tính theo đầu HS đạt 18.2 m²/HS đảm bảo mức quy định của Điều lệ trường tiểu học. Khuôn viên trường được trồng nhiều cây xanh ngay ngắn, thẳng hàng, đảm bảo mật độ an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Hằng ngày khuôn viên luôn được quét, dọn, thu gom rác thải. Đảm bảo sạch, đẹp, thoáng mát, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, tạo điều kiện thuận lợi để học sinh vui chơi [H1-3.1-01]

Trường có cổng trường, có biển tên trường đảm bảo an toàn, thẩm mỹ theo đúng quy định. Về hình thức và nội dung cổng và biển trường theo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Tường rào được xây chắc chắn bằng gạch với chiều cao 1,5m, đảm bảo độ an toàn theo quy định. Bên trong hàng rào, nhà trường còn trồng thêm các loại cây xanh và cây bóng mát góp phần tạo ra vành đai cây xanh xung quanh khu vực trường. [H3-3.1-02].

Diện tích sân chơi mặt bằng của trường. Khu sân chơi chung quanh đều có hoa, cây bóng mát cho học sinh hoạt động vui chơi, học môn thể dục; có sân bóng đá, sân thể dục [H3-3.1-03], Có bể bơi [H3-3.1-04].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Khuôn viên trường xây dựng diện tích là 17.072 m², có hệ thống cổng, biển trường, tường rào đầy đủ, an toàn, khung cảnh sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn và có nhiều cây xanh. Hệ thống sân chơi bãi tập đáp ứng nhu cầu về giáo dục thể chất và hoạt động vui chơi của học sinh. Sân chơi, bãi tập sạch, đẹp.

3. Điểm yếu

Sân trường còn đôi chỗ bị đọng nước khi trời mưa, mùa mưa có nhiều rêu, mặt sân trơn trượt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân huyện cải tạo, nâng cấp sân thể dục, đầu tư thêm trang thiết bị dạy học thể dục, thể thao. Có biện pháp xử lý những cây xanh có dấu hiệu nguy hiểm. Khắc phục tình trạng rêu trơn trượt trên mặt sân.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Trường có 28 phòng học, trong đó kiên cố: 08 phòng, 20 phòng cấp 4, đủ phòng học cho 25 lớp, quy cách phòng học theo quy định. Mỗi lớp được bố trí bàn, ghế học sinh đảm bảo đủ chỗ ngồi; có đầy đủ bàn, ghế giáo viên, bảng chống loá theo quy định. [H3-3.2-01].

Tất cả phòng học đều trang bị hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát cho HS học tập; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học bảo đảm đúng theo quy định. [H3-3.2-02].

Mức 2:

Trường có 25 phòng học dành cho 5 khối lớp học. Phòng học đúng quy cách, đủ ánh sáng, chất lượng xây dựng của phòng học đảm bảo quy định tại Điều 46 của Điều lệ trường tiểu học như: hệ thống đèn, quạt; có tủ đựng hồ sơ học sinh và các thiết bị dạy học. Các lớp học được trang trí thân thiện, đẹp mắt, phù hợp với học sinh tiểu học, đủ phòng học để dạy học 2 buổi /ngày cho 100% học sinh.. Ngoài ra mỗi phòng học được trang bị ti vi lắp đặt phù hợp với hoạt động dạy và học của các lớp. Trường có phòng làm việc riêng biệt cho cán bộ quản lý và nhân viên chuyên trách. [H3-3.2-02].

Trong mỗi phòng học bàn ghế học sinh đang sử dụng bàn 2 chỗ ngồi. Bàn ghế chất liệu bằng gỗ tương đối đảm bảo quy định về: kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc phù hợp với tâm sinh lý học sinh tiểu học. Đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Hàng năm nhà trường tổ chức kiểm kê, ghi sổ và có thực hiện tu sửa bổ sung kịp thời để đảm bảo đủ chỗ ngồi cho học sinh. [H3-3.2-02].

Hệ thống tủ đựng sách báo, thiết bị dạy học đảm bảo đầy đủ theo quy định và sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Bảng lớp có 100% bảng chống lóa, có kích thước, màu sắc đảm bảo hình ảnh thực tế. Vị trí treo bảng trong lớp học phù hợp, học sinh toàn lớp dễ quan sát, đảm bảo quy định về vệ sinh trường học của Bộ y tế, tài sản và các thiết bị của nhà trường được bảo quản và giữ gìn cẩn thận. Hàng năm trường tổ chức kiểm kê các tài sản của nhà trường vào thời điểm cuối tháng 5 và tháng 12 [H1-1.6-02].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Trường có khá đủ các phòng học, lớp học có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh. Lớp học được trang trí thân thiện, đẹp mắt.

Bàn ghế đúng quy cách, đầy đủ phù hợp độ tuổi.

Bảng lớp có kích thước, màu sắc, cách treo bảng trong lớp học phù hợp, đảm bảo quy định đối với học sinh. Tất cả các phòng học đều đảm bảo có đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, có quạt mát, có nội quy học sinh. Có đủ các phòng làm việc riêng biệt.

3. Điểm yếu

Nhiều lớp học chưa có bàn ghế chưa đúng quy cách do Bộ y tế quy định, ngồi học còn bị ánh nắng rọi vào. Một số phòng học đã bị xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường tham mưu UBND xã, UBND huyện, UBND tỉnh để đầu tư xây dựng đủ phòng học đúng quy chuẩn. Hàng năm nhà trường cũng có kế hoạch sửa chữa bàn ghế đã hư hỏng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Nhà trường có các phòng phục vụ giáo dục nghệ thuật (nhà đa năng), phòng học tin học, phòng thiết bị, thư viện, phòng truyền thống và hoạt động Đội thiếu niên tiên phong.

Khối phòng hành chính quản trị gồm có 04 phòng: Trong đó 01 phòng làm việc của HT, 01 phòng làm việc của PHT, 01 phòng của nhân viên, 01 văn phòng đáp ứng các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Các phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để làm việc như: bàn ghế, tủ, máy tính, mạng internet.... và các phương tiện làm việc [H3-3.1-01].

Trường có 01 khu để xe chung cho CB, GV, NV và HS. Khu để xe cho được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối phòng hành chính,

phục vụ học tập của nhà trường [H3-3.1-01]. Hàng năm nhà trường thực hiện nghiêm túc việc kiểm kê tài sản vào thời điểm cuối tháng 5 và tháng 12 [H1-1.6-02].

Mức 2:

Nhà trường có khối phòng phục vụ học tập gồm: Phòng Tin học có 26 máy tính được nối mạng internet, có đủ trang thiết bị hiện đại, máy chiếu, hệ thống âm thanh và đầy đủ thiết bị dạy học ngoại ngữ; phòng Âm nhạc, Mỹ thuật; phòng thư viện; phòng thiết bị GD; phòng truyền thống và hoạt động Đội; khối phòng hành chính quản trị có phòng làm việc của HT, PHT; phòng hội đồng sư phạm; phòng y tế học đường; phòng lưu trữ, phòng thường trực có đủ trang thiết bị theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường có khu để xe của giáo viên và nhân viên rộng 90m² được bố trí đảm bảo gọn gàng, hợp lý, có tường rào bao quanh và hàng rào sắt che chắn để đảm bảo an ninh, an toàn chung. Khu vực để xe của học sinh được bố trí riêng, gần cổng trường thuận tiện cho việc dễ lấy dễ cất. Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối phòng hành chính, phục vụ học tập của nhà trường [H3-3.3-01].

Nhà trường có trang bị đầy đủ các trang thiết bị cho khối phòng phục vụ học tập, hành chính đảm bảo đáp ứng việc hoạt động và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của nhà trường. Nhà trường có tủ để lưu trữ hồ sơ công tác Đảng, hồ sơ tài chính, hồ sơ chuyên môn, tủ lưu trữ học bạ, tủ lưu trữ hồ sơ CBQL, GV, NV... Hồ sơ được lưu trữ khoa học, dễ tìm và dễ lấy, kiểm kê đồ dùng thiết bị theo định kỳ. [H3-3.3-03].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Hệ thống khối phòng phục vụ học tập, khu hành chính có đầy đủ trang thiết bị, được sắp xếp gọn gàng, khoa học và hỗ trợ hiệu quả phục vụ cho các hoạt động của nhà trường.

Trường có khu để xe đảm bảo đủ chỗ để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

3. Điểm yếu

Trường còn thiếu các phòng chức năng: phòng lưu trữ hồ sơ; phòng Ngoại ngữ.

Một số máy tính cấu hình thấp dễ bị hư hỏng, hệ thống máy tính trong nhà trường còn chưa đồng bộ.

Trường còn thiếu dụng cụ học tập, chưa có phòng lưu trữ tài liệu riêng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực tham mưu với các cấp tạo điều kiện xây dựng đủ các phòng học và phòng chức năng còn thiếu để có đủ các phòng học và chức năng theo qui định của BGD&ĐT.

Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu các cấp để mua sắm bổ sung để tạo thuận lợi cho giáo viên và học sinh trong hoạt động dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

- b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;
- c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

- a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;
- b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Nhà trường có tổng 04 nhà vệ sinh với 08 phòng. Tổng cộng: 10 bồn cầu. Có nhà vệ sinh nam, nữ riêng cho HS và nhà vệ sinh nam nữ riêng cho GV đảm bảo yêu cầu sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường.

Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường có hệ thống cấp nước sạch đầy đủ với 03 cái bồn sử dụng nước sạch từ giếng khoan để sinh hoạt; có hệ thống máy lọc nước đảm bảo nước sạch cho HS và CB, GV, NV trong toàn trường [H3-3.4-01], [H3-3.4-03].

Có hồ rác, việc thu gom và xử lý chất thải được thực hiện hằng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02].

Mức 2:

Trường có khu vệ sinh riêng cho học sinh nam, học sinh nữ và nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên. Vị trí các khu vệ sinh được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, đảm bảo không ô nhiễm môi trường và luôn sạch sẽ, thuận lợi cho học sinh. Hệ thống thoát nước của trường đảm bảo vệ sinh môi trường, thoát nước tốt. Mùa mưa nước không ứ đọng, rút nhanh. Trường thực hiện tốt việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, thời gian thu gom rác hợp lí nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của trường. [H3-3.4-01], [H3-3.4-02].

Mức 3: Nhà trường có hợp đồng nước uống cho học sinh với công ty TNHH Dawa cho học sinh sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh [H3-3.4-03].

Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể:

Sử dụng nguồn nước uống đóng chai từ công ty TNHH Dawa, đảm bảo đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống; về nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6-1: 2010/BYT), ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của trường đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ khu vệ sinh riêng cho giáo viên và học sinh, phân khu vực nam, nữ riêng biệt, khu vệ sinh đảm bảo phù hợp theo yêu cầu.

Có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo hợp vệ sinh.

Rác thải được thu gom đảm bảo theo quy định vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Hố chứa và đốt rác thải chưa được xây dựng kiên cố và đúng quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực giáo dục HS ý thức giữ gìn vệ sinh chung, hướng dẫn cụ thể việc gom rác và xử lý rác thải đúng quy định. Tích cực tham mưu với các cấp để có hệ thống xử lý rác thải tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Nhà trường có đủ thiết bị và máy móc phục vụ công tác văn thư, kế toán, quản lý như máy tính, máy in, laptop, máy photocopy, máy chiếu, có hệ thống thiết bị tủ đựng hồ sơ, bàn ghế làm việc và các thiết bị quạt ... Nhìn chung, có đủ các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường

Thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học Sở quản lý tài sản [H1-1.6-02].

Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm kê các thiết bị dạy học để kịp thời sửa chữa, bổ sung các đồ dùng và thiết bị phục vụ cho các năm học tiếp theo [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

Mức 2:

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hoạt động của nhà trường. Tất cả các máy tính đều được kết nối Internet phục vụ các hoạt động giáo dục. Thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ theo danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu, đảm bảo khá tốt cho việc phục vụ các hoạt động giáo dục theo quy định. Giáo viên sử dụng và khai thác hiệu quả thiết bị và một số đồ dùng dạy học trong các giờ lên lớp đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường tổ chức cho giáo viên làm đồ dùng dạy học và tham gia trưng bày đồ dùng các cấp. [H1-3.6-02], [H3-3.5-02], [H3-3.5-03], [H3-3.5-04], [H3-3.5-05].

Nhà trường thực hiện tốt việc bảo quản cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Tổ chức kiểm kê cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo quy định. Các thiết bị văn phòng được bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung khi có hư hỏng [H3-3.5-05].

Trường có đủ TBDH tối thiểu, đồ dùng dạy học đáp ứng phục vụ cho các hoạt động giảng dạy và học tập theo đúng quy định mức tối thiểu của Bộ GD&ĐT 1 bộ/lớp. Kho chứa thiết bị đảm bảo tính an toàn và tiện lợi cho GV mượn và sử dụng. Các thiết bị được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng để lấy đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số: 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT [H3-3.5-06], [H3-3.5-07].

Đầu năm học, các tổ chuyên môn cho các thành viên trong tổ xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị các môn trong năm, nhân viên sắp xếp thiết bị hợp lý cho từng khối lớp, từng môn học. GV dựa vào kế hoạch đã xây dựng, rà soát lại các thiết bị đã có, đề xuất với nhân viên tổng hợp để nhà trường mua bổ sung những thiết bị còn thiếu. Một số thiết bị được đưa về tận các lớp học, được lưu giữ tại lớp học và các phòng chức năng thuận tiện trong việc sử dụng. Nhà trường yêu cầu các GV sử dụng thiết bị đồ dùng thường xuyên, liên tục trong dạy học. Ban giám hiệu tăng cường các biện pháp dự giờ kiểm tra đột xuất việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học.

Trong các tiết dạy thường xuyên sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học hiện có.

Cuối năm học nhà trường tổ chức kiểm kê đồ dùng và thiết bị dạy học để có kế hoạch quản lý chặt chẽ, có phương án thanh lý, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung kịp thời. [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và đủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được cung cấp đến nay đã xuống cấp: tranh ảnh, bảng cài, bộ lắp ghép, bộ dạy và học Toán, bộ dạy và học Tiếng Việt.

Chất lượng đồ dùng tự làm chưa cao, thời gian sử dụng hạn chế, dễ hư hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đưa công tác bảo quản sử dụng thiết bị giáo dục vào tiêu chí thi đua của giáo viên. Hàng năm, nhân viên thiết bị có kế hoạch mua bổ sung đồ dùng học tập và một số đồ dùng thiết bị tối thiểu của các khối lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Thư viện có trang bị tủ đựng báo, sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện thiếu nhi đảm bảo phục vụ hoạt động dạy học cho giáo viên và học sinh sử dụng vào việc tham khảo và nghiên cứu. Sổ đăng ký tổng quát, đăng ký cá biệt [H3-3.6-01].

Thư viện có kế hoạch, nội dung hoạt động phù hợp, mở cửa thường xuyên đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh. Hằng năm thư viện tổ chức các hội thi kể chuyện theo chủ đề, trưng bày sách [H3-3.6-02].

Thư viện thường xuyên thực hiện kiểm kê, báo cáo số liệu đầu sách, báo [H3-3.6-06].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Thư viện có đầy đủ đầu sách, tài liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh, có nội quy hoạt động rõ ràng, có sổ theo dõi và danh mục các loại tài liệu, sách báo. [H3-3.6-02], [H3-3.6-03], [H3-3.6-04].

3. Điểm yếu

Thư viện hiện đang mượn phòng học làm phòng thư viện. Đôi lúc còn thiếu chỗ cho học sinh ngồi đọc sách

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền xây dựng thư viện để thư viện đạt chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường có khuôn viên đẹp gọn gàng đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có nhiều cây xanh và cảnh quan môi trường tốt, sân trường xanh sạch đẹp; khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ giáo dục. Diện tích xây dựng công trình, diện tích sân chơi sân tập đảm bảo theo yêu cầu. Thư viện trang bị nhiều đầu sách phục vụ tối thiểu hoạt động dạy học và nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh.

Diện tích phòng học so với số học sinh chưa đảm bảo.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

- Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 3: 1/6 (0/5) tiêu chí chiếm 16.7 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Ban đại diện CMHS của nhà trường hoạt động đúng theo Thông tư 55/TT-BGDĐT. Nhà trường luôn tham mưu tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để duy trì số lượng HS đồng thời huy động nguồn lực xây dựng cảnh quan môi trường và tặng thưởng cho học sinh vượt khó vươn lên trong học tập, rèn luyện; giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho HS và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba môi trường giáo dục có ảnh hưởng lớn đến công tác giáo dục HS. Nhận thức được điều này, nhà trường thường xuyên phối hợp chặt chẽ và duy trì trao đổi thông tin với PHHS về tình hình học tập cũng như giáo dục đạo đức và rèn luyện kỹ năng sống cho HS. Hơn nữa, để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho HS, nhà trường đã tích cực tham mưu với các ban ngành, đoàn thể các cấp ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực từ vật chất đến tinh thần trong công tác xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục, nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Một trong những mặt quan trọng góp phần quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường phải kể đến công tác phối kết hợp. Nhà trường đã chủ động phối hợp với Ban ĐDCMHS, phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục lành mạnh, nâng cao chất lượng.

Kết quả đánh giá học lực, hạnh kiểm hàng năm ổn định và từng bước nâng cao; HS được giáo dục vệ sinh phòng bệnh, an toàn thực phẩm, giáo dục rèn luyện thể chất và kiểm tra xếp loại đạt 100%. Các biện pháp bồi dưỡng bồi dưỡng HS năng khiếu và HS chưa hoàn thành KT- KN thực hiện có hiệu quả.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Nhà trường đã thành lập Ban ĐDCMHS trường gồm 25 thành viên, có 01 trưởng ban và 02 phó ban, 1 thủ quỹ còn lại là các ủy viên. Đối với các lớp, mỗi lớp có 1 Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm 3 người. Ban ĐDCMHS của lớp và trường có đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động của Ban ĐDCMHS thực hiện theo thông tư 55/2015/TT-BGDĐT [H4-4.1-01].

Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban đại diện CMHS hoạt động. Ban đại diện CMHS của trường đã xây dựng được kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban đại diện CMHS theo quy định tại Thông tư 55/2015/TT-BGDĐT [H4-4.1-02]. Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; tham gia hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; Đảm bảo tính hiệu quả trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư 55/2015/TT-BGDĐT thì việc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục cũng là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước mà nhà trường đã đưa vào thực hiện trong nhiều năm học qua. Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nên vấn đề này đã và đang phát huy hiệu quả. Sự phối hợp nhịp nhàng và kịp thời giữa Ban đại diện CMHS với GV chủ nhiệm và BGH nhà trường đã tạo được những giải pháp tích cực, hiệu quả trong việc kịp thời rèn luyện, giáo dục đạo đức cho HS, góp phần tích cực làm cho các em ngày càng chăm chỉ, siêng năng học tập, giảm thiểu tỷ lệ vi phạm nội quy của nhà trường [H4-4.1-02], [H4-4.1-03].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, Ban đại diện CMHS luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Đã thường xuyên phối hợp với nhà trường trong công tác giảng dạy cũng như giáo dục đạo đức tác phong, rèn kỹ năng sống cho HS. Ngoài ra, còn hỗ trợ kinh phí để khích lệ tinh thần học tập của HS trong các hội thi, các hoạt động vui chơi...

3. Điểm yếu

Ban ĐDCMHS của một số Chi hội ít phối hợp với GVCN để trao đổi về tình hình học tập cũng như biện pháp giáo dục đạo đức tác phong với những HS chưa ngoan mà chỉ giao phó cho GVCN.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên liên lạc trao đổi với phụ huynh tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với giáo viên chủ nhiệm và nhà trường để góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường bằng kế hoạch cụ thể cho từng năm học và kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường cho từng giai đoạn bằng văn bản.

Nhà trường đã chủ động phối hợp với các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nghề nghiệp và cá nhân trên địa bàn xã để thực hiện các hoạt động GDNGLL như hoạt động ngoại khóa, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, tư vấn tâm lý, sức khỏe, giáo dục pháp luật, nhằm phát triển toàn diện, bồi dưỡng năng khiếu và góp phần giáo dục kỹ năng sống cho HS; các hoạt động vui chơi, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường, hoạt động xã hội và từ thiện; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong nhà trường và ở địa phương. Hàng năm Liên đội phối hợp Hội đồng đội xã, chi đoàn các thôn bản giao HS về sinh hoạt hè trên địa bàn dân cư. Nhà trường kết hợp với công đoàn trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-02], [H4-4.2-02], [H1-1.2-06], [H4-4.2-04].

Nhà trường luôn luôn tích cực tham mưu với Đảng ủy, Chính quyền địa phương tăng cường bổ sung CSVC trường học. Hàng năm, đã huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng CSVC, mua sắm bổ sung một số thiết bị tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học cần thiết phục vụ giảng dạy của GV và học tập của HS. Huy động phụ huynh đóng góp ngày công lao động để làm đẹp trường lớp như: cắt cỏ, trồng cây, cắt tỉa cây cảnh, quét vôi, quét mạng nhện lớp học và các phòng chức năng. Hội khuyến học đã dành một lượng lớn ngân sách tổ chức phát thưởng cho HS giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. GV tham gia bồi dưỡng HS

giỏi, học sinh năng khiếu đạt giải cao và giáo viên đạt GV dạy giỏi các cấp. BGH đã phối hợp với Hội khuyến học, Ban đại diện CMHS hỗ trợ, tặng quà cho HS thuộc diện hộ nghèo, HS khuyết tật như: Tặng vở và sách giáo khoa cho các em đầu năm học mới, động viên các em đến trường học tập. Gây quỹ "Vì bạn nghèo" để hỗ trợ HS, tạo ra mối thân thiện giữa HS với HS, giữa GV với HS không phân biệt khoảng cách [H4-4.2-02], [H1-1.2-06], [H4-4.2-04], [H4-4.2-05], [H4-4.2-06], [H4-4.2-07].

Nhà trường luôn chú trọng giáo dục đạo đức nhân cách kỹ năng sống cho học sinh.

Ban giám hiệu nhà trường, Đoàn thanh niên nhà trường thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. [H4-4.2-07], [H4-4.2-08], [H4-4.2-09], [H4-4.2-10].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Ban Giám hiệu đã tham mưu tốt với cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, đặc biệt là Ban ĐDCMHS trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục HS. Ban đại diện đã tích cực hỗ trợ các hoạt động của nhà trường.

Công tác XHHGD phát triển, đã nhận được sự ủng hộ của các tổ chức đoàn thể xã hội, các bậc cha mẹ HS và các cá nhân trong và ngoài nhà trường.

Các nguồn lực huy động được đã sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả thiết thực trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Điều kiện kinh tế xã hội của địa phương còn nhiều khó khăn vì thế sự tham gia ủng hộ kinh phí xây dựng trường còn hạn chế. Một số cha mẹ học sinh đôi khi còn vắng mặt trong các cuộc họp nên không nắm bắt hết được tình hình học tập của con em mình và các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần có nhiều biện pháp đạt hiệu quả trong sự phối hợp giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, đề nhận được sự ủng hộ về tinh thần, vật chất của tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và cá nhân. Phối hợp tốt với BĐDCMHS để tranh thủ sự quan tâm đặc biệt đối với các hoạt động giáo dục; tạo nên được sức mạnh tổng hợp mang lại sự thành công cho rất nhiều hoạt động giáo dục, nổi bật là sự giúp đỡ để nhà trường xây dựng lại cảnh quan khang trang hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động có hiệu quả, thường xuyên vận động phụ huynh hỗ trợ nhà trường sửa chữa cơ sở vật chất, trang trí phòng học, duy trì sĩ số học sinh, kết hợp cùng nhà trường giáo dục đạo đức cho học sinh.

Nhà trường đã tạo được mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với Hội PHHS và các đoàn thể chính quyền nhân dân địa phương trong hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục

học sinh. Chương trình, kế hoạch hoạt động khoa học, cụ thể sát với tình hình thực tế và mang tính khả thi.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 0/2 (0/2) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, trường đã triển khai thực hiện các nội dung, chương trình giáo dục và có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp đạt hiệu quả nâng cao chất lượng giáo dục. Phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục đáp ứng tốt các yêu cầu của các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;
- b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;
- c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

- a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;
- b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Vào đầu mỗi năm học nhà trường căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng Giáo dục Đào tạo để xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục, kế hoạch được tập thể nhà trường đóng góp bổ sung và biểu quyết thống nhất.

Căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ năm học của các cấp quản lý giáo dục và tình hình thực tế, nhà trường lập hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần rõ ràng và cụ thể [H1-1.8-01]

Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng đã điều chỉnh ở mỗi năm học [H1-1.8-01]. Trong các tiết dạy, giáo viên đã chú ý lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng HS. Chương trình kế hoạch dạy học của nhà trường đáp

ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương.

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã phổ biến công khai cho giáo viên và các bậc phụ huynh về kế hoạch nhà trường qua cuộc họp phụ huynh đầu năm.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường luôn đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục như khung thời gian năm học, các môn học bắt buộc, tự chọn, việc lồng ghép các nội dung giáo dục đánh giá xếp loại học sinh dựa trên kế hoạch của ngành [H1-1.8-01]

Sau khi dự thảo kế hoạch giáo dục, nhà trường tổ chức cho giáo viên thảo luận, góp ý để hoàn chỉnh kế hoạch sau đó phổ biến công khai trong học sinh và cha mẹ học sinh thông qua các buổi họp phụ huynh và niêm yết công khai.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã đề ra kế hoạch cụ thể và thực hiện nghiêm túc mọi hoạt động chuyên môn cũng như các hoạt động ngoại khóa khác.

Kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần của nhà trường được phê duyệt đầy đủ.

Tổ chức dạy học đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng HS, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương.

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đạt kết quả cao trong công tác bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu, thường xuyên tổ chức phụ đạo HS yếu.

3. Điểm yếu

Một số ít GV chưa thật linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn nội dung, thời lượng, lựa chọn hình thức, phương pháp dạy học, khả năng sử dụng CNTT vào giảng dạy hiệu quả chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Do đại dịch Covid diễn biến phức tạp nên một số hoạt động trong kế hoạch chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chuyên đề về lựa chọn nội dung, thời lượng dạy học linh hoạt, thực hiện đổi mới PPDH. Thường xuyên dự giờ để kiểm tra giúp đỡ các GV có năng lực hạn chế thực hiện các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng. Chỉ đạo tổ chuyên môn tập trung rà soát, lựa chọn nội dung, hình thức, PPDH sát với từng đối tượng HS.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn nữa kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu hàng năm, chú trọng tính kế thừa, phát hiện và bồi dưỡng ngay từ các lớp đầu cấp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng HS giỏi, HS năng khiếu.

Tiếp tục đề ra các kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện nghiêm túc, thường xuyên rà soát kế hoạch giáo dục đảm bảo tiến độ thời gian.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;
- c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ năm học của các cấp quản lý giáo dục và tình hình thực tế, nhà trường lập hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần rõ ràng và cụ thể [H1-1.8-01].

Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng đã điều chỉnh ở mỗi năm học. Trong các tiết dạy, giáo viên đã chú ý lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng HS. Chương trình kế hoạch dạy học của nhà trường đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương.

Công tác bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu (học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học) được nhà trường chú trọng [H1-1.8-01]. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu sát đúng với tình hình thực tế của đơn vị: Chỉ đạo GV khảo sát để phân loại đối tượng HS, xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng và phụ đạo. Đội tuyển HS giỏi được chọn từ những em đạt danh hiệu HS giỏi năm học trước và sàng lọc dần qua các bài kiểm tra thường xuyên và định kì của nhà trường. Chất lượng mũi nhọn hàng năm nhà trường đạt kết quả cao. Số lượng HS đạt giải trong các sân chơi Violim pic, Ioe các năm ổn định ở mức cao. [H5-5.2-04]

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần của nhà trường phù hợp, đảm bảo quy định.

Tổ chức dạy học đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng HS, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương.

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đạt kết quả cao trong công tác bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu, thường xuyên tổ chức phụ đạo HSCH.

3. Điểm yếu

Một số ít GV chưa thật linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn nội dung, thời lượng, lựa chọn hình thức, phương pháp dạy học, khả năng sử dụng CNTT vào giảng dạy hiệu quả chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Số lượng HS đạt giải trong các kì thi HS giỏi các năm chưa ổn định ở mức cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức đổi mới hình thức, phương pháp sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề về lựa chọn nội dung, thời lượng dạy học linh hoạt, thực hiện đổi mới PPDH. Thường xuyên dự giờ để kiểm tra giúp đỡ các GV còn hạn chế về năng lực thực hiện các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng. Chỉ đạo tổ chuyên môn tập trung rà soát, lựa chọn nội dung, hình thức, PPDH sát đối tượng HS.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn nữa kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu hàng năm, chú trọng tính kế thừa, phát hiện và bồi dưỡng ngay từ các lớp đầu cấp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng HS giỏi, HS năng khiếu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;
- c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Nhà trường thực hiện xây dựng thời khóa biểu; duyệt các kế hoạch dạy học các môn học của tổ chuyên môn; thực hiện sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề; thực hiện tăng cường tiếng Việt cho học sinh và xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; ...[H5-5.2-01], [H5-5.2-04], [H5-5.2-02], [H5-5.2-03].

Căn cứ vào tình hình thực tế tại nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng "Kế hoạch phụ đạo HS khó khăn về học tập, bồi dưỡng HS năng khiếu" nhằm giúp đỡ HS hoàn thành chương trình lớp học, rèn luyện HS có năng khiếu trong học tập [H5-5.2-02], [H5-5.2-03].

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp như: trải nghiệm theo chủ đề, hoạt động múa hát sân trường, ngày hội vui khỏe, thể dục thể thao; thăm hỏi các gia đình có công với cách mạng; vẽ tranh cổ động bảo vệ môi trường; lao động công ích của nhà trường được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch đã đề [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo tất cả HS được tham gia [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Thực hiện tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục; Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường; Thực hiện đúng quy định về đánh giá HS tiểu học; Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS; Phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện, được tổ chức có quy mô và đạt hiệu quả cao

3. Điểm yếu

Chưa thực hiện tốt việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần phân tích, đánh giá và phân công cụ thể, linh hoạt hơn, để tổ chức hoạt động trải nghiệm được tương đối đồng đều. Cần thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS. Thường xuyên tổ chức cho học sinh để học sinh có cơ hội tham gia tìm hiểu về nhiều lĩnh vực, tạo tiền đề cho học sinh học tập tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) - Quản lý hồ sơ. - Số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Qua mỗi năm, nhà trường tiến hành rà soát các biện pháp triển khai thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học trong địa bàn. Có báo cáo sơ kết, tổng kết về phổ cập giáo dục tiểu học. Từ đó có văn bản điều chỉnh kế hoạch và có biện pháp thực hiện hiệu quả hơn. Hồ sơ sổ sách liên quan về phổ cập tiểu học hàng năm luôn đảm bảo tính khoa học, tính thẩm mỹ và được công nhận trường đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2.

Công tác phổ cập giáo dục trong nhà trường do đồng chí P.Hiệu trường phụ trách, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, có 01 nhân viên văn phòng

làm công tác phổ cập giáo dục có trách nhiệm thu thập thông tin từ giáo viên chủ nhiệm các lớp làm báo cáo tổng hợp quản lý phần mềm phổ cập giáo dục. Phối hợp với Trạm y tế, Ban tư pháp, Ban Công an xã, trường Mầm non để lấy số liệu trẻ em 0 tuổi mới sinh, phối hợp với trường Trung học cơ sở, các trường thôn để điều tra độ tuổi, giới tính, thành phần gia đình, trình độ học vấn ...nhằm thu thập đủ và đúng số liệu cần thiết phục vụ cho công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Hàng năm, nhà trường đều thành lập Hội đồng tuyển sinh, có kế hoạch tuyển sinh cụ thể và thông báo rộng rãi đến phụ huynh học sinh, thu nhận 100 % trẻ 6 tuổi trên địa bàn và một số trẻ ngoài địa bàn vào học tại trường. [H5-5.4-02],

Thực hiện và lưu trữ đầy đủ các văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về việc phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Tham gia các cuộc họp trong nhà trường và địa phương để thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Thường xuyên so sánh số liệu trong các năm trước, với các văn bản hiện hành về việc phổ cập giáo dục tiểu học trên địa bàn để có biện pháp chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phổ cập đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của trường ổn định so với cùng kỳ năm trước và đạt khá tốt so với mặt bằng chung các trường khác [H5-5.4-02];[H5-5.4-03].

Huy động 100% trẻ trong độ tuổi đi học; duy trì và ổn định tốt sĩ số học sinh, không xảy ra tình trạng học sinh bỏ học.

Hàng năm trường đều tiếp nhận và làm tốt công tác động viên trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật trên địa bàn được đến trường, tạo mọi điều kiện tốt nhất [Báo cáo công tác phổ cập] (bàn ghế, chỗ ngồi, sách vở....) để các em hòa nhập vào môi trường giáo dục chung. [H5-5.4-04].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của nhà trường hàng năm đảm bảo chính xác. Đặc biệt là số học sinh 6 tuổi mới vào lớp 1 (đạt 100%). Có sự phối hợp chặt chẽ của các trường Mầm non, Trung học cơ sở và các ban trong xã nên số liệu cập nhật đảm bảo tính chính xác. Kết quả PCGDTH, PCGDTHĐĐT xã Năm N'Jang đạt cao. Hồ sơ phổ cập được lưu trữ cẩn thận từ nhiều năm nay luôn được đánh giá chính xác, đủ tính pháp lí.

Tổ chức và thực hiện "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" bằng nhiều hình thức phong phú nên đã nâng cao nhận thức cho mọi người dân về thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ở địa phương.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chuyển đi, chuyển đến thất thường do phải theo bố mẹ đi làm ăn xa nên số lượng điều tra phục vụ kế hoạch trung hạn chưa thật chính xác.

Một số ít đồng chí GV chưa có kinh nghiệm nên đôi khi làm thống kê, điều tra số liệu còn sai sót.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đối với cha mẹ học sinh; làm tốt hơn nữa việc phối hợp với các tổ chức xã hội và chính quyền địa phương; củng cố bổ sung bộ hồ sơ phổ cập giáo dục Tiểu học. Tập trung làm tốt công tác điều tra, kịp thời xử lý, chốt số liệu học sinh chuyển đi, chuyển đến chính xác trên phần mềm CSDL ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 2:

Hàng năm, tỷ lệ học sinh lên lớp đạt cao và ở thể vững chắc đạt 98% trở lên [H5-5.2-06];

Tỷ lệ học sinh được khen thưởng học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hàng năm đã được nâng cao và đi vào ổn định. Tỷ lệ học sinh được khen thưởng hàng năm không ngừng tăng lên. [H5-5.2-06];

Chất lượng học sinh giỏi, HS năng khiếu được giữ vững và phát triển. Nhiều học sinh của trường tham gia trong các kì thi, các cuộc giao lưu do huyện, tỉnh tổ chức hàng năm đều đạt giải cao, 5 năm gần đây số học sinh tham gia và đạt giải cấp Huyện, cấp Tỉnh càng ngày càng tăng lên. [H5-5.2-06];

Trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt 100% [H5-5.4-02];

Mức 3:

2. Điểm mạnh

HS lên lớp, hoàn thành chương trình tiểu học, HS đạt danh hiệu HS giỏi, HS tiên tiến đạt tỉ lệ cao so với mặt bằng chung của huyện. Đội ngũ học sinh giỏi, học sinh năng khiếu tham gia đạt giải cao ở các Hội thi, Giao lưu do Phòng GD&ĐT; Sở GD&ĐT; Bộ GD&ĐT tổ chức.

3. Điểm yếu

Chất lượng giáo dục chưa đồng đều

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Mua sắm tài liệu đầy đủ để phục vụ cho công tác bồi dưỡng HS giỏi. Phân công GV có năng lực, kinh nghiệm trực tiếp bồi dưỡng, huấn luyện

Động viên phụ huynh mua sắm máy tính kết nối mạng để học sinh có điều kiện bồi dưỡng tiếng Anh đạt kết quả cao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Kế hoạch chuyên môn của nhà trường đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, nhà trường xây dựng thời khóa biểu dạy đủ đúng chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp phù hợp với lứa tuổi học sinh. Cán bộ giáo viên nhân viên học sinh nhà trường tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm ngoài giờ lên lớp

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt kết quả cao.

Trường còn có giáo viên lớn tuổi nên hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật phương pháp dạy học tích cực, còn chậm trong việc nắm bắt các quy định mới về chuyên môn.

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động phân hóa theo nhu cầu năng lực sở trường của học sinh, vẫn còn số ít học sinh thụ động chưa tích cực tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

Đạt Mức 1: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Đạt Mức 2: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Đạt Mức 3: 1/5 (0/4) tiêu chí chiếm 20 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

* Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %

* Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/27 chiếm 0 %

- Đạt Mức 1: (27/27) tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 2: (27/27) tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 3: (12/27) tiêu chí chiếm 44,4 %

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

* Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %

* Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

Trên cơ sở tự đánh giá theo bộ tiêu chí, Hội đồng đánh giá rút ra những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường trong mỗi hoạt động như sau như sau:

* **Điểm mạnh:**

Về hoạt động dạy học: Nhà trường đã thực hiện tốt quy định về kế hoạch giảng dạy và học tập của Bộ giáo dục và đào tạo, Sở giáo dục và đào tạo, Phòng giáo dục và đào tạo, chủ động trong kế hoạch nâng cao chất lượng dạy học, tạo môi trường làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm cho cán bộ, giáo viên; chất lượng quản lý chuyên môn ngày càng chặt chẽ; công tác quản lý, chất lượng kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan dựa trên các văn bản mang tính pháp quy; trong quản lý việc dạy thêm, học thêm trường đã thực hiện đúng quy định của ngành, tổ chức bồi dưỡng được cho cả ba đối tượng học sinh khá-giỏi, trung bình, yếu.

Về hoạt động học tập và rèn luyện: Công tác quản lý việc học tập các bộ môn văn hoá được thực hiện chặt chẽ, đúng qui chế, tạo điều kiện nâng cao chất lượng học tập

cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn quan tâm tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng sống và phát triển toàn diện. Trong công tác quản lý kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, nhà trường đã chủ động phối hợp với các tổ chức giáo dục khác và đưa ra nhiều biện pháp giáo dục có hiệu quả. Trường có đủ hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của học sinh, từ đó đưa ra nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục, đã có hệ thống theo dõi thường xuyên các mặt của giáo dục nên tạo được nền nếp của học sinh trong trường khá tốt;

Về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục: Trong lĩnh vực quản lý nhân lực, trường có đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trẻ, nhiệt huyết, không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có sự đoàn kết thống nhất cao trong nội bộ; nhà trường luôn tạo điều kiện tốt về mọi mặt cho cán bộ giáo viên yên tâm công tác; phân công, bố trí chuyên môn hợp lý, nên phát huy được năng lực của từng cán bộ, giáo viên; xây dựng được kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cho việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhờ vậy chất lượng chuyên môn nhà trường ngày càng được nâng cao, số giáo viên giỏi cấp trường và cấp huyện ngày càng tăng. Nhà trường bước đầu đã có những đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin, có kế hoạch cụ thể cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và dạy học.

Về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị: Nhà trường đã có diện tích mặt bằng đạt chuẩn, có biện pháp cụ thể trong quản lý cơ sở vật chất nên phòng học luôn đảm bảo đủ duy trì tốt các hoạt động giáo dục. Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác cải tạo cơ sở vật chất hiện có để đảm bảo chất lượng cho các hoạt động giáo dục trong trường. Trường bước đầu đã xây dựng được cảnh quan môi trường sạch sẽ, thoáng mát, tạo cảnh quan sư phạm cho cho cán bộ giáo viên và học sinh làm việc, học tập.

Về công tác quản lý tài chính: Nhà trường đã cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán kịp thời, đầy đủ mọi chế độ cho cán bộ, giáo viên; thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê, quyết toán hàng năm cho cơ quan chủ quản kịp thời; mọi công tác thu chi đều được công khai và duyệt thẩm định quyết toán.

Về tổ chức bộ máy và công tác quản lý điều hành: Lãnh đạo quản lý nhà trường đoàn kết, thống nhất, có năng lực chuyên môn và năng lực quản lý vững vàng; có đủ các tổ chức đoàn thể, phát huy tốt vai trò của mình trong công tác quản lý nên đã đầy mạnh được phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của giáo viên và học sinh. Nhà trường có sổ quản lý các công văn đi, công văn đến chặt chẽ và tất cả các loại sổ sách theo quy định.

Về công tác xây dựng môi trường giáo dục: Trường đã xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh cho cán bộ, giáo viên và học sinh, xây dựng cảnh quan xanh, sạch, đẹp; luôn chú trọng và có biện pháp đảm bảo an ninh, không có bạo lực, không có tệ nạn xã hội.

Về xây dựng quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội: Trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Thường xuyên liên lạc với gia đình và chính quyền địa phương dưới nhiều hình thức để nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

